

**TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ
CÔNG TY CỔ PHẦN
THỦY ĐIỆN CẦN ĐƠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 04/CV-CT-CBTT
(V/v: Đính chính số liệu trên Quyết
định số 01/CD-QĐ-HĐQT)

-----o0o-----
Bình Phước, ngày 16 tháng 01 năm 2017

Kính gửi: Ủy Ban chứng khoán Nhà nước

Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh

Căn cứ vào Quyết định số 01/CD-QĐ-HĐQT ngày 12/01/2017 của Công ty Cổ phần Thủy điện Cần Đơn. Công ty Cổ phần Thủy điện Cần Đơn xin được đính chính với Ủy ban chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh về số liệu trên Phụ lục số 01 – Kết quả thực hiện kế hoạch SXKD quý IV năm 2016 kèm theo Quyết định số 01/CD-QĐ-HĐQT ngày 12/01/2017 của Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần thủy điện Cần Đơn, cụ thể đính chính lại thông tin đúng như sau (*Quyết định số 01/CD-QĐ-HĐQT ngày 12/01/2017 kèm theo*):

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính (VNĐ)	Kế hoạch quý 4 năm 2016				Ước TH kế hoạch quý 4 năm 2016				Tỷ lệ hoàn thành KH (%)			
			Cần Đơn	Ry Ninh II	Nà Lơi	Tổng cộng	Cần Đơn	Ry Ninh II	Nà Lơi	Tổng cộng	Cần Đơn	Ry Ninh II	Nà Lơi	Tổng cộng
A	KẾ HOẠCH SXKD													
I	KHỐI LƯỢNG CHỦ YẾU													
1	Sản xuất điện thương phẩm	10 ³ kWh	70.000,0	15.790,0	7.000,0	92.790,0	63.732,0	21.594,5	13.138,4	98.464,9	91,0	136,8	187,7	106,1
II	TỔNG GIÁ TRỊ SXKD	10 ⁶	77.636,4	15.600,0	7.100,0	100.336,4	71.970,8	24.199,1	14.280,7	110.450,5	92,7	155,1	201,1	110,1
1	Giá trị SXKD công nghiệp	10 ⁶	77.636,4	15.576,3	7.099,0	100.311,6	71.970,8	23.251,2	13.377,6	108.599,6				
2	Giá trị SXKD khác	10 ⁶		23,8	1,0	24,8		947,8	903,1	1.850,9				
III	CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH													
1	Tổng doanh thu	10 ⁶	70.578,5	14.195,0	6.454,5	91.228,0	65.428,0	21.999,1	12.982,5	100.409,7	92,7	155,0	201,1	110,1
2	Tổng chi phí	10 ⁶	30.512,8	9.100,0	5.800,0	45.412,8	35.716,0	8.484,1	8.971,5	53.171,7	117,1	93,2	154,7	117,1
3	Lợi nhuận trước thuế	10 ⁶	40.065,7	5.095,0	654,5	45.815,3	29.712,0	13.515,0	4.011,0	47.238,0	74,2	265,3	612,8	103,1
4	Nộp ngân sách Nhà nước	10 ⁶	17.003,2	3.700,0	1.500,0	22.203,2	12.300,0	4.549,0	3.144,2	19.993,2	72,3	122,9	209,6	90,0
5	Thu nhập bình quân/người/tháng	10 ³	11.000,0	8.700,0	8.900,0	9.533,3	9.700,0	8.700,0	12.694,4	10.364,8	88,2	100,0	142,6	108,7
6	Tỷ lệ cổ tức	%												
B	KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ	10 ⁶	-	680,0	1.200,0	1.880,0	-	67,7	-	67,7		10,0	-	3,6
1	Đầu tư mới nâng cao năng lực Nhà máy	10 ⁶		680,0	1.200,0	1.880,0		67,7		67,7		10,0	-	3,6
2	Đầu tư khác.	10 ⁶												

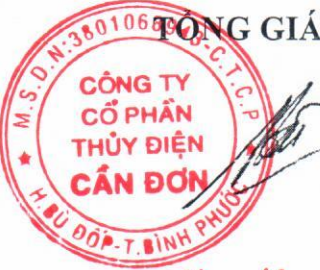
Công ty xin báo cáo lại số liệu Phụ lục 01 (số liệu đính chính lại) là hoàn toàn chính xác và chịu trách nhiệm về số liệu đã báo cáo .

Trên đây là giải trình về việc đính chính lại số liệu trên Quyết định số 01/CD-QĐ-HĐQT ngày 12/01/2017 của Công ty cổ phần thủy điện Cần Đơn.

Trân trọng kính chào!

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu VP, TCKT

TỔNG GIÁM ĐỐC

Mai Ngọc Hoàn

Kết quả thực hiện kế hoạch SXKD quý IV năm 2016

Kết quả thực hiện kế hoạch SXKD quý IV năm 2016
(Kèm theo Quyết định số 04 /QĐ-QĐ-HĐQT ngày 12/01/2017
của Hội đồng quản trị công ty cổ phần thủy điện Cần Đơn)

3-1

PHỤ LỤC 2

Kết quả thực hiện kế hoạch SXKD năm 2016
(Kèm theo Quyết định số 04/CĐ-QĐ-HĐQT ngày 12/01/2017
của Hội đồng quản trị công ty cổ phần thủy điện Cần Đơn)

1. Sản xuất điện thương phẩm ước đạt:

- Sản lượng điện ước đạt: 340,182 triệu kWh/KH 418,700 triệu kWh (đạt 81%).

Trong đó:

- + NMTĐ Cần Đơn: 235,875 triệu kWh/KH 320,000 triệu kWh (đạt 74%).
- + NMTĐ Ry Ninh II: 48,436 triệu kWh/KH 50,000 triệu kWh (đạt 97%).
- + NMTĐ Là Nôi: 55,871 triệu kWh/KH 47,800 triệu kWh (đạt 115%).

2. Tổng giá trị sản xuất kinh doanh (SXKD):

- Tổng giá trị SXKD ước đạt: 393,271 tỷ đồng/KH 432,534 tỷ đồng (đạt 91%).

Trong đó:

- + NMTĐ Cần Đơn: 262,705 tỷ đồng/KH 333,668 tỷ đồng (đạt 79%).
- + NMTĐ Ry Ninh II: 62,009 tỷ đồng/KH 49,457 tỷ đồng (đạt 125%).
- + NMTĐ Nà Lôi: 68,557 tỷ đồng/KH 49,409 tỷ đồng (đạt 139%).

3. Doanh thu:

- Doanh thu ước đạt: 357,521 tỷ đồng/Kế hoạch 393,427 tỷ đồng (đạt 91%).

Trong đó :

- + NMTĐ Cần Đơn: 238,823 tỷ đồng/KH 303,525 tỷ đồng (đạt 79%).
- + NMTĐ Ry Ninh II: 56,372 tỷ đồng/KH 44,970 tỷ đồng (đạt 125%).
- + NMTĐ Nà Lôi: 62,325 tỷ đồng/KH 44,932 tỷ đồng (đạt 139%).

4. Lợi nhuận trước thuế:

- Lợi nhuận TT ước đạt: 166,081 tỷ đồng/Kế hoạch 195,000 tỷ đồng (đạt 85%).

Trong đó:

- + NMTĐ Cần Đơn: 99,979 tỷ đồng/KH 160,702 tỷ đồng (đạt 62%).
- + NMTĐ Ry Ninh II: 32,312 tỷ đồng/KH 18,000 tỷ đồng (đạt 180%).
- + NMTĐ Nà Lôi: 33,790 tỷ đồng/KH 16,298 tỷ đồng (đạt 207%).

5. Nộp ngân sách Nhà nước:

- Nộp ngân sách Nhà nước: 78,764 tỷ đồng/Kế hoạch 87,330 tỷ đồng (đạt 90%).

Trong đó:

- + NMTĐ Cần Đơn: 49,470 tỷ đồng/KH 66,009 tỷ đồng (đạt 75%).
- + NMTĐ Ry Ninh II: 14,052 tỷ đồng/KH 11,250 tỷ đồng (đạt 125%).
- + NMTĐ Nà Lôi: 15,242 tỷ đồng/KH 10,071 tỷ đồng (đạt 151%).

6. Thu nhập bình quân CBCNV (người/tháng):

- Thu nhập bình quân: 9,478 triệu đồng/Kế hoạch 10,884 triệu đồng (đạt 87%).

PHỤ LỤC 3

(Kế hoạch SXKD quý I và năm 2017)

Kèm theo Quyết định số 01/CD-QĐ-HĐQT ngày 12/01/2017
của Hội đồng quản trị công ty cổ phần thủy điện Cần Đơn)

1. Kế hoạch SXKD quý I/2017 :

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính (VNĐ)	Kế hoạch quý 1 năm 2017			
			Cần Đơn	Ry Ninh II	Nà Lơi	Tổng cộng
A	KẾ HOẠCH SXKD					
I	KHỐI LƯỢNG CHỦ YẾU					
1	Sản xuất điện thương phẩm	10 ³ kWh	33.000	4.170	10.500	47.670
II	TỔNG GIÁ TRỊ SXKD	10 ⁶	32.847	4.368	10.619	47.834
1	Giá trị SXKD công nghiệp	10 ⁶	31.449	4.354	10.619	46.422
2	Giá trị SXKD khác	10 ⁶	1.398	14		1.412
III	CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH					
1	Tổng doanh thu	10 ⁶	32.522	3.971	9.654	46.146
2	Tổng chi phí	10 ⁶	25.761	3.553	7.504	36.818
3	Lợi nhuận trước thuế	10 ⁶	6.760	418	2.150	9.328
4	Lợi nhuận sau thuế	10 ⁶	6.084	334	1.935	8.353
5	Nộp ngân sách Nhà nước	10 ⁶	7.136	1.128	2.376	10.640
6	Tỷ suất					
-	Lợi nhuận TT/Doanh thu	%	21	11	22	20
-	Lợi nhuận trước thuế/VĐL	%	1			2
7	Lao động bình quân	Người	145	60	51	256
8	Thu nhập bình quân/người/tháng	10 ³	10.500	9.053	8.510	9.354
B	KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ	10 ⁶	1.250	-	-	1.250
1	Đầu tư mới nâng cao năng lực Nhà máy	10 ⁶	1.250			1.250

2. Kế hoạch SXKD năm 2017 :

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính (VNĐ)	Kế hoạch năm 2017			
			Cần Đơn	Ry Ninh	Nà Loi	Tổng cộng
I	KHỐI LƯỢNG CHỦ YẾU					
1	Sản xuất điện thương phẩm	10 ³ kWh	292.000	48.000	50.000	390.000
II	TỔNG GIÁ TRỊ SXKD	10 ⁶	322.077	50.168	50.735	422.979
1	Giá trị SXKD công nghiệp	10 ⁶	316.485	50.113	50.582	417.179
2	Giá trị SXKD khác	10 ⁶	5.592	55	153	5.800
III	CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH					
1	Tổng doanh thu	10 ⁶	293.300	45.607	46.123	385.030
2	Tổng chi phí	10 ⁶	147.522	26.607	28.125	202.254
3	Lợi nhuận trước thuế	10 ⁶	145.778	19.000	17.998	182.776
4	Lợi nhuận sau thuế	10 ⁶	122.666	15.988	15.145	153.798
5	Nộp ngân sách Nhà nước	10 ⁶	71.659	14.110	11.968	97.737
6	Tỷ suất					-
-	Lợi nhuận TT/Doanh thu	%	50	42	39	47
-	Lợi nhuận trước thuế/VĐL	%	32			40
7	Tổng tài sản	10 ⁶	1.168.121	67.412	61.857	1.297.390
8	Vốn chủ sở hữu	10 ⁶	1.162.690			1.162.690
9	Vốn điều lệ	10 ⁶	459.992			459.992
10	Thu nhập bình quân/người/tháng	10 ³	11.000	9.053	10.131	10.061
11	Tỷ lệ cổ tức	%	25			25
12	Đầu tư mới nâng cao năng lực Nhà máy	10 ⁶	5.000	2.000	1.342	8.342

